

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**

Bản án số: 150/2026/HS-ST
Ngày 20 tháng 8 năm 2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lỗ Tất Thắng

2. Ông Trần Văn Học

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 135/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2026/HSST ngày 07 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Lê Thị T, sinh ngày 02/5/1993 tại tỉnh Phú Thọ; số CCCD: 026193003468; trú tại: Thôn B, xã T, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Lê Văn H (đã chết) và bà Lê Thị M; chồng là Đào Văn K; con: 03 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2020;

Tiền án: 01 tiền án. Tại Bản án số 88/2021/HS-ST ngày 21/9/2021 của TAND huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Lê Thị T 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Ngày 01/9/2025, T chấp hành xong toàn bộ bản án.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án số 186/2016/HS-ST, ngày 01/8/2016 của TAND thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xử phạt Lê Thị T 27 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Ngày 14/4/2018, T chấp hành xong toàn bộ bản án (đã được xóa án tích).

- Bị can bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2026. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh P. “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 00 phút ngày 03/4/2026, tại đường liên thôn thuộc thôn B, xã T, tỉnh Phú Thọ, Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh P phối hợp với Công an xã T phát hiện, bắt quả tang Lê Thị T, sinh năm 1993, trú tại thôn B, xã T, tỉnh Phú Thọ có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Vật chứng thu giữ gồm: Tại ông công ven đường, cạnh vị trí T đứng, thu giữ 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa tinh thể dạng đá màu trắng, được gói trong một mẫu giấy vệ sinh và bọc bên ngoài bằng 01 khẩu trang màu trắng. T khai nhận đây là số ma túy đá của T mua để sử dụng; khi nhìn thấy lực lượng Công an, do sợ bị phát hiện nên T đã lấy gói ma túy đang cất trong túi quần vứt xuống ông công. Số vật chứng này được niêm phong trong phong bì giấy, ký hiệu A1. Ngoài ra, thu giữ trong túi quần phía trước bên trái T đang mặc 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8, vỏ màu vàng gold, màn hình bị vỡ, IMEI 356731081805731, lắp 01 thẻ SIM số thuê bao 0787.447.465, được niêm phong ký hiệu A2.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành xét nghiệm nhanh chất ma túy trong nước tiểu của Lê Thị T, kết quả T dương tính với Methamphetamine; đồng thời thu mẫu nước tiểu của T để phục vụ giám định, đựng trong chai nhựa và niêm phong ký hiệu T1.

Ngày 03/4/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp số A1175 tại nơi ở của Lê Thị T ở thôn B, xã T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình khám xét không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài sản có liên quan.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P ra Quyết định trưng cầu giám định số A4038, trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh P giám định mẫu vật ký hiệu A1 và mẫu nước tiểu ký hiệu T1. Tại Bản kết luận giám định số 1872 ngày 09/4/2026, Phòng K1 Công an tỉnh P kết luận: Tinh thể dạng đá màu trắng niêm phong trong phong bì giấy ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3125 gam, không kể bao bì, loại Methamphetamine. Tìm thấy Methamphetamine trong mẫu chất lỏng màu vàng được xác định là mẫu nước tiểu thu của Lê Thị T, sinh năm 1993, trú tại thôn B, xã T, tỉnh Phú Thọ, niêm phong trong chai nhựa ký hiệu T1 gửi giám định. (Methamphetamine là chất ma túy thuộc Danh mục II ban hành kèm theo Nghị định số 28/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026 của Chính phủ).

Sau giám định, hoàn lại 0,2516 gam mẫu vật ký hiệu A1 cùng toàn bộ bao gói niêm phong; mẫu chất lỏng ký hiệu T1 đã sử dụng hết trong quá trình giám định.

Cơ quan điều tra đã thông báo kết luận giám định cho Lê Thị T; T đồng ý với nội dung kết luận và không có ý kiến gì.

Về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ, Lê Thị T khai: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 03/4/2026, khi đang ở nhà, do có nhu cầu sử dụng ma túy đá nên T đi bộ đến khu vực đình T tìm mua ma túy. Tại đây, T gặp một người đàn ông khoảng 35 tuổi, không biết họ tên, địa chỉ và mua của người này 01 gói ma túy đá với giá 300.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T dùng khẩu trang bọc mẫu giấy vệ sinh chứa túi ma túy rồi cất vào túi quần đang mặc và đi tìm nơi sử dụng.

Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, khi T đi bộ đến đoạn đường thuộc thôn B, xã T thì nhìn thấy lực lượng Công an. Do lo sợ bị phát hiện việc tàng trữ ma túy, T lấy gói ma túy từ trong túi quần vứt xuống ống cống ven đường gần vị trí đang đứng. Ngay sau đó, Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh P phối hợp với Công an xã T kiểm tra, bắt quả tang và thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 94/CT-VKS-KV10 ngày 08 tháng 7 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Lê Thị T. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, xử phạt:

Bị cáo Lê Thị T từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 03 tháng 4 năm 2026.

Đề nghị xử lý vật chứng, án phí theo quy định pháp luật.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Lê Thị T thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã

thực hiện điều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ. Lời khai của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 03/4/2026, tại khu vực đường liên thôn thuộc thôn B, xã T, tỉnh Phú Thọ, tổ công tác của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh P phối hợp cùng Công an xã T, tỉnh Phú Thọ bắt quả tang Lê Thị T có hành vi tàng trữ trái phép 0,3125 gamma túy loại Methamphetamine mục đích để sử dụng cho bản thân. Tang vật thu giữ 01 gói ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,3125g, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, vỏ màu vàng gold bên trong có lắp 01 thẻ sim.

Hành vi của Lê Thị T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025. Điều luật quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

a) ...

c) Heroine, C, Ml, A, Ketamine, F, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

[3]. Xét thấy, vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy. Ma túy là nguyên nhân phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và tạo tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Trong bối cảnh tình hình tội phạm ma túy ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp, Nhà nước ta đang triển khai nhiều biện pháp nhằm ngăn chặn, đẩy lùi ma túy ra khỏi đời sống xã hội. Do đó, cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[4]. Xét hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Thị T thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý khi chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hiện bị cáo đang nuôi 03 con nhỏ dưới 15 tuổi nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo đã từng bị kết án về tội phạm ma túy; trong đó có 01 tiền án chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục tàng trữ trái phép chất ma túy. Do vậy, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian theo mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, nhằm giúp bị cáo từ bỏ ma túy, đồng thời đảm bảo hiệu quả giáo dục, cải tạo bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản và phải nuôi 03 con nhỏ nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Đối với Mẫu A1 = 0,2516 gam chất ma túy cùng toàn bộ bao gói Phòng K1 Công an tỉnh P hoàn lại sau giám định là vật nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, vỏ màu vàng gold, màn hình vỡ, bên trong lắp 01 thẻ sim số thuê bao 0787.447.465 là tài sản hợp pháp của Lê Thị T, quá trình điều tra xác định T không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho T nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7]. Về hành vi và đối tượng khác: Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Lê Thị T vào các ngày 02/4/2026 và 03/4/2026, do T không biết họ tên, địa chỉ và không cung cấp được thông tin cụ thể khác; Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người này nên tiếp tục xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý sau theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, Lê Thị T còn khai: Ngày 02/4/2026, T đến khu vực đình T, gặp một người đàn ông khoảng 35 tuổi, không biết họ tên, địa chỉ và mua 01 gói ma túy đá với giá 300.000 đồng. Sau đó, T mang số ma túy này về nhà tại thôn B, xã T và sử dụng hết. Quá trình điều tra xác định hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy của Lê Thị T ngày 02/4/2026 không thuộc trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự. Do đó, ngày 30/6/2026, Công an xã T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23, xử phạt Lê Thị T số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Là đúng quy định của pháp luật.

[8]. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Thị T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”
2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, xử phạt:

Bị cáo Lê Thị T 03 (Ba) năm 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 03 tháng 4 năm 2026.

3. Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 1,2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Lê Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, vỏ màu vàng gold, màn hình vỡ, bên trong lắp 01 thẻ sim số thuê bao 0787.447.465 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu, tiêu hủy đối với Mẫu A1 = 0,2516 gam chất ma túy cùng toàn bộ bao gói Phòng K1 Công an tỉnh P hoàn lại sau giám định.

(Vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng, tài sản của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P lập ngày 16/4/2026 và 18/5/2026).

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Lê Thị T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ;
- CQCSĐT - CA tỉnh Phú Thọ;
- CQTHAHS - CA tỉnh Phú Thọ;
- Trại Tạm giam số 2 Công an tỉnh Phú Thọ;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP, THAHS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Ngọc Phượng